

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 12 - 2025
V/v Tranh chấp HNGĐ- Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đình Dũng**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đinh Thị Phong**, Cán bộ hưu trí
Bà **Bùi Thị Liên**, Cán bộ hưu trí.
- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng**, Thư ký
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ tham gia phiên toà:
Ông **Nguyễn Trọng Đạt**, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 119/2025/TLST- HNGĐ ngày 23/10/2025 về “Ly hôn,, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HN&GD, ngày 04/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **BÙI THỊ T**, sinh năm 2005. Trú tại: Xóm T, xã PC, huyện TL, tỉnh Hòa Bình (*Nay là xóm T, xã MB, tỉnh Phú Thọ*).

2. Bị đơn : Anh **BÙI MẠNH D**, sinh năm 2001 Trú tại: Xóm QG, xã HP, huyện CP, tỉnh Hòa Bình (*Nay là xóm QG, xã MT, tỉnh Phú Thọ*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, được nộp tiền tạm ứng án phí ngày 23/10/2025, bản tự khai và quá trình tố tụng tiếp theo, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Chị và anh Bùi Mạnh D chung sống với nhau từ năm 2021 nhưng kết hôn tháng 02/2023 trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HP, huyện CP, tỉnh Hòa Bình (*Nay là xã MT, tỉnh Phú Thọ*). Sau kết hôn vợ chồng sống chung cùng ông bà Nội tại xóm QG, xã HP, huyện CP, tỉnh Hòa Bình (*Nay là xóm QG, xã MT, tỉnh Phú Thọ*). Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc bình thường được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì vợ chồng không hòa hợp ; khác biệt về quan điểm sống, lối sống. Không những thế anh D còn có hành vi dùng vũ lực (đánh) chị. Chị T không chấp nhận bỏ qua và đã bỏ về sống với mẹ ; vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Chị T nhận thấy: Có cố kéo dài thì cũng không còn cơ hội để có một gia đình hạnh phúc; Tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị làm đơn xin ly anh Bùi Mạnh D để giải phóng cho nhau. Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh D có 01 con chung là :Bùi PC, sinh ngày 24/4/2023. Khi ly hôn, chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con và yêu cầu anh Bùi Mạnh D phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung ; Nếu anh D không đóng góp

thì chị cũng không yêu cầu. Về tài sản chung - Công nợ chung : Không có. Về án phí : Chị T xin tự nguyện chịu.

2. Bị đơn anh Bùi Mạnh D đã đến Tòa thể hiện quan điểm và thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trong đó có việc anh dùng vũ lực với chị T nhưng anh vẫn còn tình cảm vợ chồng, không muốn gia đình tan vỡ nên chị T có làm đơn xin ly hôn anh cũng không đồng ý mà xin được đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Về con chung thì đúng như chị T trình bày: Vợ chồng có một con và vì con còn nhỏ anh rất thương con, chị T bỏ con lại cho anh và ông bà Nội tự đi làm nay lại muốn nuôi con anh không đồng ý và nếu ly hôn anh xin được nuôi con và cũng không yêu cầu chị T đóng góp nuôi con chung. Về tài sản chung - công nợ chung : Không có;

Vì hai bên vẫn giữ nguyên quan điểm nên việc điều tra, xác minh và đưa vụ án ra xét xử là cần thiết.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và riêng chị T có thay đổi về nguyện vọng nếu được nuôi con chị không yêu cầu anh D đóng góp nuôi con chung.

3. Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đưa ra quan điểm: Quá trình giải quyết: Thẩm phán, hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định. Về nội dung: Đối với quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị Bùi Thị T phù hợp với các tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Việc kết hôn của chị T và anh D là tự nguyện và hợp pháp; mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu và đã ở mức độ trầm trọng nên Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Bùi Thị Tâm được ly hôn anh Bùi Mạnh D. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là :Bùi PC, sinh ngày 24/4/2023. Khi ly hôn, chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con và theo chị T thì từ khi sinh con chị vẫn có trách nhiệm nuôi dưỡng con và khi ly hôn, chị vẫn xin được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con và chị chưa yêu cầu anh Bùi Mạnh D phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa anh D cũng yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con và anh cũng chưa yêu cầu chị T phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Nhận thấy cả chị T và anh D đều có quyền nuôi con và đều có điều kiện vẫn có việc làm và có thu nhập khoảng 10 triệu/tháng đủ để nuôi dưỡng giáo dục con nhưng hiện cháu C chưa đủ 36 tháng tuổi rất cần được sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nên khi ly hôn, cần giao cháu Bùi PC cho chị Bùi Thị T nuôi dưỡng giáo dục; Chấp nhận sự tự nguyện của chị T chưa yêu cầu anh D phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung: Quyền thăm nom chăm sóc con chung được đảm bảo theo pháp luật. Về tài sản chung - công nợ: Không có nên không đề cập. Về trách nhiệm nộp án phí: Chị T xin tự nguyện chịu án phí sơ thẩm nên áp dụng quy định của pháp luật hiện hành về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận sự tự nguyện chịu án phí của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: - Quan hệ pháp luật tòa án giải quyết là tranh chấp về ly hôn. Nguyên đơn là chị Bùi Thị T và bị đơn anh Bùi Mạnh D. Chị T trú tại xóm T, xã PC, huyện TL, tỉnh Hòa Bình(Nay là xóm T, xã MB, tỉnh Phú Thọ); Anh Bùi Mạnh D trú tại xóm QG, xã HP, huyện CP, tỉnh Hòa Bình (Nay là xóm QG, xã MT, tỉnh Phú Thọ). Nhưng anh chị đã có đơn xin chọn Tòa án khu vực 15 – Phú Thọ giải quyết nên chị T khởi kiện vụ án, Tòa xác định chị là nguyên đơn. Anh D là người bị khởi kiện là bị đơn là đúng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ, theo quy định tại Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quá trình giải quyết Tòa đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định đảm bảo cho các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Mạnh D chung sống với nhau từ năm 2021 khi chị T chưa đủ tuổi nhưng khi đủ tuổi anh chị kết hôn với nhau ngày 08/02/2023, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HP, huyện CP, tỉnh Hòa Bình (Nay là xã M T, tỉnh Phú Thọ). Hôn nhân do hai bên tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn chủ yếu do tính tình không hợp, vợ chồng không chịu nhường nhịn nhau, anh D có hành vi dùng vũ lực đánh và bóp cổ muốn tước đoạt mạng sống của chị T khiến chị rất ám ảnh và lo sợ cho cuộc sống bản thân; gia đình bức bách, nặng nề. Chị T không chấp nhận chịu đựng và chờ mong anh D sẽ thay đổi để có một gia đình và một mái ấm ; chị cho rằng có lần một thì sẽ có lần hai và lúc đó liệu chị có may mắn giữ được tính mạng. Vì thế chị bỏ đi làm rồi chuyển về sống với mẹ để nhưng anh D cũng không hề hối lỗi mà còn đe dọa chị rồi không hề quan tâm đến chị và gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Xét hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Bùi Mạnh D từ sau khi kết hôn được một thời gian vợ chồng đã xảy ra những mâu thuẫn, bất đồng không thể hòa hợp; anh Bùi Mạnh D và chị Bùi Thị T không hợp tính cách; sung xảy ra và anh D đã có hành vi vũ phu là đánh và bóp cổ chị T khiến chị nghẹt thở và ám ảnh phải bỏ đi. Dù vậy nhưng anh D cũng không có hành động và việc làm gì tỏ ra hối lỗi; khi chị T yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý nhưng cũng không có giải pháp gì để vợ mình tin tưởng mà yên tâm chung sống để có một gia đình hạnh phúc; Hiện cả hai đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn khả năng hàn gắn. Căn cứ tình trạng thực tế thì hôn nhân giữa vợ và chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn để xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Mạnh D là cần thiết, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3]Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là :Bùi PC, sinh ngày 24/4/2023. ; Hiện cháu đang ở với ông bà Nội và được mẹ chăm lo nuôi dưỡng, giáo dục tốt; chị T đang có việc làm và thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con; Anh Bùi Mạnh D cũng cho rằng mình có việc làm và thu nhập đảm bảo để nuôi dưỡng các con . Trước phiên tòa hội đồng xét xử xác định quyền nuôi dưỡng giáo dục con là quyền của cả bố và mẹ. Nay cả hai anh chị đều xin được nuôi dưỡng giáo dục cả hai con và đều chưa yêu cầu phía bên kia phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, nhận thấy: Cháu PC còn rất nhỏ và

chưa đủ 36 tháng tuổi rất cần được sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nên khi ly hôn, cần giao cháu Bùi PC cho chị Bùi Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Chấp nhận sự tự nguyện của chị T chưa yêu cầu anh D phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung: Quyền thăm nom chăm sóc con chung được đảm bảo theo pháp luật.

[4]Về tài sản chung – công nợ chung : Nguyên đơn xác định không có và không đề nghị Toà giải quyết. Đây là ý chí của đương sự nên Toà không đề cập.

[5]Về án phí: Chị Bùi Thị T xin tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm: Sự tự nguyện này phù hợp các quy định của pháp luật hiện hành về án phí, lệ phí Tòa án nên chấp nhận sự tự nguyện chịu án phí của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Điều 81,82,83 ; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] -Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Bùi Mạnh D.

[2]-Về con chung : Vợ chồng có 01 con chung là :Bùi PC, sinh ngày 24/4/2023. Khi ly hôn. Giao cháu Bùi PC cho chị Bùi Thị T nuôi dưỡng giáo dục; Chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị T chưa yêu cầu anh Bùi Mạnh D phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung: Quyền thăm nom chăm sóc con chung được đảm bảo theo pháp luật.

[3]Về tài sản chung, công nợ chung: Không có

[4]- Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Thi hành án Dân sự tỉnh Phú Thọ theo biên lai số: **0004203 ngày 23/10/2025**, nay không phải nộp thêm.

[5]- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 15- Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã TL-Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Đình Dũng